

KẾ HOẠCH

Nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Tuyên Quang năm 2022 và những năm tiếp theo

Trong các năm qua, mặc dù dịch bệnh Covid-19 tác động nặng nề tới người dân, doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế, ảnh hưởng nhiều đến môi trường đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sát sao của Tỉnh ủy, sự giám sát chặt chẽ của Hội đồng nhân dân tỉnh, sự điều hành tập trung, linh hoạt, hiệu quả của Ủy ban nhân dân tỉnh; sự nỗ lực, đổi mới, sáng tạo, quyết tâm, đoàn kết thống nhất cao của các cấp, ngành, địa phương, đơn vị; sự chung tay của cả hệ thống chính trị; sự chia sẻ, ủng hộ và tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp đã nỗ lực triển khai các giải pháp nhằm tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Tuyên Quang nhiều năm liên tục đều xếp thứ hạng tăng¹. Theo kết quả công bố Chỉ số (PCI) năm 2021 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Tuyên Quang năm 2021 tăng 02 bậc so với năm 2020 (từ xếp hạng thứ 31/63 tỉnh, thành phố năm 2020 lên xếp hạng thứ 29/63 tỉnh, thành phố trong cả nước), với điểm số là 64,76 (tăng 1,3 điểm so với năm 2020), đã vươn lên nằm trong các tỉnh có điểm số khá; xếp thứ 04/14 tỉnh Khu vực miền núi phía Bắc. Trong 10 chỉ số thành phần năm 2021, có 06 chỉ số tăng điểm: Tính năng động của chính quyền địa phương (tăng 1,29 điểm), Gia nhập thị trường (tăng 0,89 điểm), Tính minh bạch (tăng 0,82 điểm), Chi phí không chính thức (tăng 0,77 điểm), Tiếp cận đất đai (tăng 0,59 điểm), Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (tăng 0,37 điểm); có 04 chỉ số giảm điểm: Đào tạo lao động (giảm 1,18 điểm), Cạnh tranh bình đẳng (giảm 1,09 điểm), Chi phí thời gian (giảm 0,52 điểm), Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự (giảm 0,13 điểm)².

Để thực hiện mục tiêu đến năm 2025, Chỉ số (PCI) tỉnh Tuyên Quang nằm trong nhóm 20 đến 25 tỉnh, thành phố dẫn đầu trong cả nước và tiếp tục đề ra các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, Chỉ thị số 02-CT/TU ngày 15/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhằm đẩy mạnh công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp

¹ Năm 2013, chỉ số (PCI) đạt 48,98 điểm, xếp thứ 63/63 tỉnh, thành phố (thấp nhất cả nước); năm 2014 đạt 55,2 điểm, xếp thứ 50/63 tỉnh, thành phố; năm 2015 đạt 56,81, xếp thứ 46/63 tỉnh, thành phố; năm 2016, chỉ số (PCI) đạt 57,43 điểm, xếp thứ 45/63 tỉnh, thành phố; năm 2017 đạt 61,5 điểm, xếp thứ 39/63 tỉnh, thành phố; năm 2018 đạt 63,1 điểm, xếp thứ 34/63 tỉnh, thành phố; năm 2019 đạt 65,13 điểm, xếp thứ 32/63 tỉnh, thành phố; năm 2020 đạt 63,46 điểm, xếp thứ 31/63 tỉnh, thành phố; năm 2021 đạt 64,76 điểm, xếp thứ 29/63 tỉnh, thành phố. Từ năm 2013 đến năm 2021, Chỉ số (PCI) tỉnh Tuyên Quang tăng 34 bậc.

² Xếp thứ 1-29/63 tỉnh, thành phố có 03 chỉ số, gồm: “Tính minh bạch” (xếp thứ 2); “Gia nhập thị trường” (xếp thứ 20); “Tính năng động của chính quyền địa phương” (xếp thứ 26); Xếp thứ 30-49/63 tỉnh, thành phố có 05 chỉ số, gồm: “Đào tạo lao động” (xếp thứ 33); “Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự” (xếp thứ 36); “Cạnh tranh bình đẳng” (xếp thứ 36); “Chi phí không chính thức” (xếp thứ 43); “Tiếp cận đất đai” (xếp thứ 48); Xếp thứ 50-63/63 tỉnh, thành phố có 02 chỉ số, gồm: “Chi phí thời gian” (xếp thứ 53); “Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp” (xếp thứ 54).

tỉnh (PCI) tỉnh Tuyên Quang; tháo gỡ khó khăn, phục hồi sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp, tạo động lực tăng cường thu hút đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Tuyên Quang năm 2022 và những năm tiếp theo với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải thiện điểm số của 10 chỉ số thành phần (PCI). Tập trung khắc phục và cải thiện mạnh mẽ các chỉ số thành phần có điểm số thấp nhằm tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp, thu hút ngày càng nhiều các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài vào đầu tư tại tỉnh; góp phần hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 và thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang khóa XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 đã xác định, phân đấu “*Đưa tỉnh Tuyên Quang phát triển khá, toàn diện, bền vững trong khu vực miền núi phía Bắc*”.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Năm 2022, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh tăng từ 2 bậc trở lên trong bảng xếp hạng (PCI) của cả nước, tiếp tục nằm trong các tỉnh có điểm số khá, điểm số đạt trên 65 điểm.

2.2. Phân đấu đến năm 2025, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Tuyên Quang nằm trong nhóm 25 đến 20 tỉnh, thành phố dẫn đầu trong cả nước và nằm trong các tỉnh/thành phố có điểm số khá, tiếp tục là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ chung

1.1. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022 và Chỉ thị số 02-CT/TU ngày 15/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh thực hiện công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Tập trung thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh gắn với đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số theo “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

1.2. Tập trung cải thiện mạnh mẽ 04 chỉ số thành phần trong Chỉ số (PCI) bị giảm điểm năm 2021 (*Đào tạo lao động, Cạnh tranh bình đẳng giới, Chi phí thời gian, Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự*) và các chỉ số thành phần bị giảm điểm của các năm tiếp theo; tiếp tục cải thiện nhằm tăng điểm số các chỉ số thành phần khác.

1.3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chủ động tích cực và trực tiếp chịu trách nhiệm trong công tác chỉ đạo, điều hành; quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này; coi nhiệm vụ cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên thực hiện.

1.4. Các Sở, ban, ngành được phân công là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc đề xuất và tổ chức triển khai thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để cải thiện các chỉ số thành phần được giao phụ trách.

1.5. Các cơ quan, đơn vị liên quan đến các chỉ tiêu cụ thể của 10 chỉ số thành phần trong Chỉ số (PCI) chủ động tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ được giao nhằm tăng điểm của chỉ tiêu, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chủ trì để tìm giải pháp cải thiện chỉ số.

2. Nhiệm vụ cụ thể

2.1. Tập trung khắc phục để tăng điểm và vị trí xếp hạng các chỉ số bị giảm điểm năm 2021

2.1.1. Chỉ số “Đào tạo lao động” (Chỉ số giảm nhiều nhất (20 bậc và 1,18 điểm) so với năm 2020, xếp thứ 33/63 tỉnh, thành phố)³

Tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông. Vận hành hiệu quả hệ thống thông tin thị trường lao động; nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Tuyên Quang, Phiên giao dịch việc làm tỉnh Tuyên Quang. Xây dựng và triển khai Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình “Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025”. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, thực hiện các khóa đào tạo nâng cao nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh; thúc đẩy sự gắn kết giữa doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hướng đến đào tạo theo địa chỉ; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tham gia thực hiện tổ chức đào tạo lao động tại chỗ, đào tạo lại và đặc biệt là đào tạo lao động kỹ thuật tay nghề cao đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và thị trường lao động. Tập trung triển khai các chính sách hỗ trợ của trung ương và của tỉnh về đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh.

2.1.2. Chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” (Chỉ số giảm 19 bậc và giảm 1,09 điểm so với năm 2020, xếp thứ 37/63 tỉnh, thành phố).⁴

Thực hiện bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp trong các lĩnh vực: thu hút đầu

³ Chỉ số “Đào tạo lao động” tỉnh Tuyên Quang năm 2020 đạt 6,98 điểm, xếp thứ 13/63 tỉnh, thành phố trong cả nước; năm 2021 đạt 5,8 điểm, xếp thứ 33/63 tỉnh, thành phố.

⁴ Chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” tỉnh Tuyên Quang năm 2020 đạt 6,98 điểm, xếp thứ 18/63 tỉnh, thành phố trong cả nước; năm 2021 đạt 5,89 điểm, xếp thứ 37/63 tỉnh, thành phố.

tư; tiếp cận đất đai; khai thác tài nguyên, khoáng sản; xây dựng; miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; giải quyết khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp; tiếp cận thông tin. Trên khai các giải pháp để cải thiện và minh bạch các thông tin tín dụng, tạo điều kiện cho mọi tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế được bình đẳng và thuận lợi trong việc tiếp cận vốn tín dụng theo cơ chế thị trường và chính sách hỗ trợ phát triển các dịch vụ tài chính theo kế hoạch của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2.1.3. Chỉ số “Chi phí thời gian” (Chỉ số giảm 7 bậc và giảm 0,52 điểm so với năm 2020, xếp thứ 53/63 tỉnh, thành phố)⁵

Tổ chức hoạt động, nâng cao hiệu quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã, bảo đảm giải quyết thủ tục hành chính “Nhanh-Đúng-Hiệu quả”. Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính theo phương án “4 tại chỗ”, “5 tại chỗ” ngay sau khi tiếp nhận thủ tục hành chính; thay đổi nhận thức từ nền hành chính công “một cửa cố định” đến “một cửa bất kỳ” hay “không cửa”; cung cấp thêm các dịch vụ tiện ích số phục vụ người dân, doanh nghiệp; chú trọng thái độ phục vụ, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức làm nhiệm vụ giao dịch, giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ; kiểm tra cải cách hành chính, qua kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, kiên quyết xử lý nghiêm tình trạng gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu khi giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Theo dõi, kiểm tra, giám sát thời gian giải quyết thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành đảm bảo giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo mục tiêu đề ra. Phấn đấu năm 2022 giảm thời gian chờ đợi của người dân, doanh nghiệp tại Bộ phận một cửa xuống trung bình còn tối đa 30 phút/01 lần giao dịch; đến năm 2025 giảm thời gian trung bình xuống còn 15 phút/01 lần đến giao dịch.

Thực hiện có hiệu quả Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyên đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Tuyên Quang; triển khai việc kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính nhằm giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp. Thực hiện hiệu quả quản lý kế hoạch thanh tra, kiểm tra để tránh chồng chéo, trùng lặp về nội dung, đối tượng thanh tra, kiểm tra. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ ngành thuế, kiểm tra công vụ, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt là công chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra thuế thuộc cơ quan thuế các cấp. Rút ngắn thời gian thanh tra, kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp, xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp.

2.1.4. Chỉ số “Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự” (Chỉ số giảm 22 bậc và giảm 0,13 điểm so với năm 2020, xếp thứ 36/63 tỉnh, thành phố)⁶

⁵ Chỉ số “Chi phí thời gian” tỉnh Tuyên Quang năm 2020 đạt 7,29 điểm, xếp thứ 46/63 tỉnh, thành phố trong cả nước; năm 2021 đạt 6,77 điểm, xếp thứ 53/63 tỉnh, thành phố.

⁶ Chỉ số “Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự” tỉnh Tuyên Quang năm 2020 đạt 7,22 điểm, xếp thứ 14/63 tỉnh, thành phố trong cả nước; năm 2021 đạt 7,09 điểm, xếp thứ 36/63 tỉnh, thành phố.

Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc để đẩy nhanh tiến độ giải quyết những vụ án kinh doanh thương mại đúng pháp luật, công bằng, tạo niềm tin cho doanh nghiệp. Đẩy nhanh công tác giải quyết hồ sơ thi hành án có đủ điều kiện thi hành và tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại tố cáo, phức tạp, kéo dài. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động điều tra, xử lý tội phạm, quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy, quản lý cư trú, quản lý ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác giải quyết những mâu thuẫn ngay tại cơ sở, không để phát sinh điểm “nóng”, tạo môi trường lành mạnh, an toàn để các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh bình đẳng, đúng pháp luật.

Triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chính sách về hỗ trợ pháp lý và mức chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Nâng cao chất lượng hỗ trợ pháp lý, đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa các hoạt động hỗ trợ pháp lý trên địa bàn tỉnh. rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời phát hiện và kiên quyết loại bỏ những nội dung không phù hợp.

2.2. Tiếp tục cải thiện điểm số các chỉ số thành phần (PCI)

2.2.1. Chỉ số “Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp” (Chỉ số giảm 4 bậc, tăng 0,37 điểm so với năm 2020, xếp thứ 54/63 tỉnh, thành phố)⁷

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ và các văn bản hướng dẫn thi hành; các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp⁸; Đẩy mạnh tuyên truyền và tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 13/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Phát triển thương mại điện tử tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 về việc phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025. Xây dựng và thực hiện Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022-2025. Xúc tiến, hỗ trợ các doanh nghiệp tổ chức các hội chợ thương mại tại tỉnh; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong tỉnh tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước, hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm thông tin thị trường, tìm kiếm đối tác kinh doanh, thị trường xuất khẩu. Tiếp tục tổ chức thực hiện Chương trình ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng, phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực và đặc sản trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025. Tạo điều kiện, khuyến khích

⁷ Chỉ số “Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp” tỉnh Tuyên Quang năm 2020 đạt 5,45 điểm, xếp thứ 50/63 tỉnh, thành phố trong cả nước; năm 2021 đạt 5,82 điểm, xếp thứ 54/63 tỉnh, thành phố.

⁸ Nghị quyết số 31/2013/NO-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 02/2019/NO-HĐND ngày 01/8/2019 về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 11/2019/NO-HĐND ngày 01/8/2019 về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 06/2019/NO-HĐND ngày 01/8/2019 ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; số 09/2021/NO-HĐND 20/12/2021 quy định một số chính sách phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. 03/2021/NO-HĐND ngày 16/07/2021 về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025...

doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ có liên quan đến công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực; tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng; thông tin tư vấn. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình hỗ trợ pháp lý dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2020-2025; tăng cường hỗ trợ, tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp; phát triển dịch vụ tư vấn pháp luật.

Đẩy mạnh công tác hướng dẫn thực hiện các thủ tục miễn, giảm thuế, phí, lệ phí đối với doanh nghiệp; thực hiện giới thiệu các đại lý thuế đủ điều kiện hoạt động tham gia tư vấn, hướng dẫn về thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán đối với doanh nghiệp thành lập mới, doanh nghiệp nhỏ và vừa được chuyển đổi từ hộ kinh doanh. Triển khai áp dụng hóa đơn điện tử theo quy định của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2.2.2. Chỉ số “Tiếp cận đất đai” (Chỉ số tăng 5 bậc và tăng 0,59 điểm so với năm 2020, xếp thứ 48/63 tỉnh, thành phố)⁹

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai, tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Tiếp tục rà soát thủ tục hành chính về đất đai tại cấp tỉnh, cấp huyện để điều chỉnh, bổ sung theo hướng đơn giản, gọn nhẹ, thuận lợi cho người sử dụng đất tham gia thực hiện các giao dịch về đất đai. Tăng cường công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh; tiếp tục công bố công khai thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thông tin về giá đất, bảng giá đất của tỉnh, kết quả giao đất, cho thuê đất thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, kết quả về đấu giá quyền sử dụng đất, dự án chậm tiến độ đưa đất vào sử dụng. Tổ chức thực hiện việc thu hồi, giao đất, cho thuê đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho các dự án phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương, đặc biệt là dự án trọng điểm phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp đã được phê duyệt để cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuê làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh. Rà soát, kiểm tra, thu hồi chủ trương đầu tư, chấm dứt hoạt động dự án không triển khai hoặc triển khai quá chậm làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư và giảm hiệu quả sử dụng đất. Chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án lớn, trọng điểm của tỉnh, tổ chức giải đáp trực tiếp các vướng mắc về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai để người dân và doanh nghiệp hiểu rõ khi thực hiện các thủ tục hành chính.

2.2.3. Chỉ số “Chi phí không chính thức” (Chỉ số tăng 11 bậc và tăng 0,77 điểm so với năm 2020, xếp thứ 43/63 tỉnh, thành phố)¹⁰

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nhất là lĩnh vực liên quan đến người dân, doanh nghiệp; lấy sự hài lòng của cơ quan, tổ chức làm thước đo chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước. Hoàn thành đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; phấn đấu 100% thủ

⁹ Chỉ số “Tiếp cận đất đai” tỉnh Tuyên Quang năm 2020 đạt 6,14 điểm, xếp thứ 53/63 tỉnh, thành phố trong cả nước; năm 2021 đạt 6,73 điểm, xếp thứ 48/63 tỉnh, thành phố.

¹⁰ Chỉ số “Chi phí không chính thức” tỉnh Tuyên Quang năm 2020 đạt 5,93 điểm, xếp thứ 54/63 tỉnh, thành phố trong cả nước; năm 2021 đạt 6,7 điểm, xếp thứ 43/63 tỉnh, thành phố.

tục hành chính đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và sử dụng được trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động nhằm giảm thiểu giao dịch trực tiếp; tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến; tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, thái độ văn minh, lịch sự gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đổi mới chế độ công vụ, công chức. Kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm những đơn vị, cá nhân có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà, tạo chi phí không chính thức cho doanh nghiệp, nhất là trong thanh tra, kiểm tra thuế, xây dựng, môi trường; thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai¹¹. Biểu dương, khen thưởng những cá nhân, tập thể gương mẫu, tiêu biểu trong việc thực hiện nghiêm túc, trách nhiệm, hiệu quả các quy định của pháp luật, tạo thuận lợi và góp phần tiết kiệm chi phí tuân thủ pháp luật chung. Ban hành tài liệu hướng dẫn, giải thích các điểm chưa rõ ràng, chưa cụ thể trong các quy định pháp luật, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc tuân thủ pháp luật được đầy đủ, thuận lợi, tiết kiệm chi phí.

2.2.4. Chỉ số “*Tinh minh bạch*” (Chỉ số tăng 4 bậc và 0,82 điểm so với năm 2020, xếp thứ 02/63 tỉnh, thành phố)¹²

Nâng cao chất lượng Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang. Công khai 100% thông tin, tài liệu (trừ tài liệu mật) quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các văn bản quy phạm pháp luật, các thủ tục hành chính, các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng mới, các chính sách ưu đãi đầu tư của tỉnh... Kịp thời đăng tải, cập nhật đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành lên “Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh Tuyên Quang”.

Tăng cường công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra việc đăng tải hồ sơ mời thầu, lựa chọn nhà thầu của các chủ đầu tư; tăng cường công khai, minh bạch và nâng cao hiệu quả giám sát trong công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo các chủ đầu tư triển khai thực hiện nghiêm Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn liên quan, kịp thời phổ biến quán triệt các văn bản quy phạm pháp luật. Chú trọng công tác cung cấp thông tin, văn bản liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo đề nghị của doanh nghiệp. Khuyến khích các tổ chức đại diện của doanh nghiệp tham gia xây dựng, phản biện các chính sách, quy định cải cách thủ tục hành chính của tỉnh.

2.2.5. Chỉ số “*Gia nhập thị trường*” (Chỉ số tăng 43 bậc và tăng 0,89 điểm so với năm 2020, xếp thứ 20/63 tỉnh, thành phố)¹³

¹¹ Theo công bố của VCCI: Tỷ lệ doanh nghiệp chi trả chi phí không chính thức (CPKCT) cho cán bộ thanh, kiểm tra là 30%, xếp thứ 48/63 tỉnh, thành phố trong cả nước; tỷ lệ doanh nghiệp chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường là 64%, xếp thứ 60/63 tỉnh, thành phố; tỷ lệ doanh nghiệp chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế là 43%, xếp thứ 53/63 tỉnh, thành phố; tỷ lệ doanh nghiệp chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng là 56%, xếp thứ 18/63 tỉnh, thành phố; tỷ lệ doanh nghiệp chi trả CPKCT để đẩy nhanh thủ tục đất đai là 43%, xếp thứ 51/63 tỉnh, thành phố.

¹² Chỉ số “*Tinh minh bạch*” tỉnh Tuyên Quang năm 2020 đạt 6,43 điểm, xếp thứ 6/63 tỉnh, thành phố trong cả nước; năm 2021 đạt 7,25 điểm, xếp thứ 02/63 tỉnh, thành phố.

¹³ Chỉ số “*Gia nhập thị trường*” tỉnh Tuyên Quang năm 2020 đạt 6,24 điểm, xếp thứ 63/63 tỉnh, thành phố trong cả nước; năm 2021 đạt 7,13 điểm, xếp thứ 20/63 tỉnh, thành phố.

Công khai, cập nhật các thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị và các phương tiện thông tin đại chúng. Tiếp tục đổi mới phương thức hướng dẫn hồ sơ, thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan cấp giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện cho doanh nghiệp. Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp lập, hoàn thiện hồ sơ khi thực hiện các thủ tục hành chính, đảm bảo tăng tỷ lệ người dân và doanh nghiệp nộp được hồ sơ hợp lệ ngay từ lần nộp đầu tiên và giảm tỷ lệ hồ sơ phải sửa đổi, bổ sung ở mức thấp nhất. Hướng dẫn thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện rõ ràng, đầy đủ; thực hiện đúng quy trình và cải thiện giảm mạnh mẽ về thời gian để doanh nghiệp nhanh chóng hoàn thành các thủ tục chính thức đi vào hoạt động, gia nhập thị trường.

Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Tích cực vận động, khuyến khích, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp nộp hồ sơ, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích trong thực hiện thủ tục hành chính.

2.2.6. Chỉ số “*Tính năng động của chính quyền địa phương*” (*Chỉ số tăng 26 bậc và tăng 1,81 điểm so với năm 2020, xếp thứ 26/63 tỉnh, thành phố*)¹⁴

Triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch sử dụng đất của tỉnh; Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030; thực hiện Đề án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025; Đề án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025; Triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh; Đề án phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Đẩy mạnh thực hiện công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh theo chỉ đạo tại Chỉ thị số 02-CT/TU ngày 15/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành sâu sát, phù hợp với yêu cầu thực tiễn; xác định rõ cải cách thủ tục hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị nhằm góp phần xây dựng nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả. Đổi mới tư duy hành động và sáng tạo; đổi mới lề lối làm việc, phương thức quản trị hiện đại, trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, thực hiện chuyển đổi số trong cơ quan hành chính nhà nước theo lộ trình. Xây dựng niềm tin giữa các cấp chính quyền và cộng đồng doanh nghiệp. Thường xuyên rà soát, phát hiện những bất cập trong quy định pháp luật, kịp thời đề xuất tới cơ quan có thẩm

¹⁴ Chỉ số “*Tính năng động của chính quyền địa phương*” tỉnh Tuyên Quang năm 2020 đạt 5,72 điểm, xếp thứ 52/63 tỉnh, thành phố trong cả nước; năm 2021 đạt 7,01 điểm, xếp thứ 26/63 tỉnh, thành phố.

quyền sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Nâng cao năng lực, hiệu quả thực thi pháp luật tại địa phương; tăng cường năng lực phản ứng chính sách của các cơ quan, đơn vị. Hàng năm triển khai Bộ Chỉ số năng lực cạnh tranh (DDCI) và khảo sát đánh giá cảm nhận của doanh nghiệp về môi trường đầu tư, kinh doanh của cấp huyện, thành phố và các sở, ban, ngành của tỉnh Tuyên Quang.

Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; chú trọng nâng cao chỉ số “Cơ sở hạ tầng”; đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng các khu công nghiệp, đường giao thông; ưu tiên xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông với nhiều công trình giao thông quan trọng, tiến hành triển khai Dự án xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai, Dự án đường cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang, dự án đường trục phát triển đô thị từ thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện lỵ Yên Sơn và các tuyến giao thông quan trọng để tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư vào đầu tư tại tỉnh.

Quan tâm triển khai thực hiện “Chỉ số xanh”, xây dựng môi trường kinh doanh xanh và bền vững. Duy trì đường dây nóng của Tổ chuyên viên giúp việc Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Tuyên Quang để tiếp nhận thông tin và phản ánh của doanh nghiệp và nhà đầu tư đối với những vướng mắc liên quan đến môi trường đầu tư và kinh doanh tại tỉnh. Tổ chức các Chương trình “Cà phê doanh nhân” định kỳ hàng quý, tổ chức đối thoại doanh nghiệp với lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo sở, ban, ngành, địa phương để giải quyết dứt điểm các kiến nghị, khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

(Chi tiết nhiệm vụ chủ yếu, phân công nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị theo phụ lục 1, 2 kèm theo).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Tuyên Quang về nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh. Tiếp tục đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh năm 2022 và các năm tiếp theo.

- Chủ trì theo dõi, tổ chức giám sát việc thực hiện tại các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và đơn vị trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch này để hoàn thành các mục tiêu đề ra.

- Tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch của các sở, ban, ngành, đơn vị theo quý, 6 tháng và cả năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư tỉnh

- Tham mưu tổ chức Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với doanh nghiệp, Chương trình “Cà phê doanh nhân” và hội nghị công bố Chỉ số (PCI), Chỉ số (DDCI) sau khi có kết quả khảo sát.

- Tổ chức đi tìm hiểu, học tập kinh nghiệm tại một số địa phương xếp thứ hạng cao về Chỉ số (PCI) để đề xuất các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh chung của tỉnh.

- Phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh thực hiện việc tuyên truyền, hướng dẫn các đối tượng khảo sát, đánh giá chấm điểm chỉ số (PCI) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được khảo sát, đánh giá;

3. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Tuyên Quang và các cơ quan, đơn vị: Tổ chức truyền thông, quán triệt, phổ biến Kế hoạch này sâu rộng trong các ngành, các cấp, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

4. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh

- Chủ động, tích cực tuyên truyền đến các doanh nghiệp trên địa bàn việc thực hiện nghiêm các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; thường xuyên nắm bắt, khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp và tổng hợp ý kiến, kiến nghị của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chuyển các cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Triển khai khảo sát Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện, thành phố và các sở, ban, ngành (DDCI). Tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp tự đào tạo nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Phối hợp với Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tuyên truyền, hướng dẫn, lựa chọn các đối tượng khảo sát, đánh giá chấm điểm chỉ số (PCI) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đối với các sở, ban, ngành, huyện, thành phố đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan và phù hợp chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được khảo sát, đánh giá.

5. Liên minh các hợp tác xã tỉnh: Chủ động đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ hợp tác xã; đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể; là cơ quan đầu mối tiếp nhận các khó khăn, vướng mắc của các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh, phản ánh kịp thời đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

6. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Căn cứ kết quả, thời hạn báo cáo của các đơn vị để tham mưu đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành, đơn vị hằng năm.

7. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị và nhiệm vụ của Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện. Thực hiện báo cáo theo định kỳ hàng quý, 6 tháng (*trước ngày 30 của các tháng 6, 9*) và báo cáo năm (*trước ngày 15 tháng 12*), gửi Ban Chỉ đạo thực hiện cải cách hành chính và cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Tuyên Quang (qua Cơ quan thường trực là Sở Kế hoạch và Đầu tư), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch, các sở, ban, ngành, địa phương chủ động đề xuất, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Phòng Thương mại và CN Việt Nam (VCCI);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- Các Huyện ủy, Thành ủy;
- UBND huyện, thành phố;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Hội Doanh nhân trẻ;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Tuấn